

Số: 08/2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế
hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam

1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 1 như sau:

“1. Quyết định này quy định về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án phát điện sử dụng năng lượng sinh khối nổi lưới tại Việt Nam sau đây gọi là các dự án điện sinh khối.

2. Đối tượng áp dụng của Quyết định này gồm các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động điện lực có liên quan đến phát triển các dự án điện sinh khối.”

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền hoặc tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Bên bán điện là các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực phát điện từ các dự án điện sinh khối hoặc tổ chức, cá nhân tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân nêu trên theo quy định của pháp luật.”

3. Bãi bỏ khoản 8, 10, 11 Điều 2; Điều 3, Điều 4, Điều 5.

4. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đầu tư xây dựng các dự án điện sinh khối

1. Phát triển các dự án điện sinh khối được thực hiện theo quy hoạch. Việc thẩm định, phê duyệt bổ sung dự án điện sinh khối vào quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch. Các dự án điện sinh khối trong Quy hoạch phát triển điện lực các cấp đã được phê duyệt thực hiện theo quy định về chuyển tiếp tại Điều 59 của Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Thiết bị chính của dự án điện sinh khối phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành. Chất lượng điện của dự án điện sinh khối phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về điện áp, tần số và các yêu cầu về vận hành hệ thống điện quốc gia theo quy định hiện hành.

3. Việc đầu tư xây dựng các dự án điện sinh khối được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, an toàn điện, đất đai, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

5. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Đấu nối dự án điện sinh khối vào hệ thống điện

1. Bên bán điện chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng thiết bị đo đếm điện năng, đường dây và trạm biến áp tăng áp (nếu có) từ nhà máy điện của Bên bán điện tới điểm đấu nối với lưới điện của Bên mua điện; tổ chức việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị đo đếm điện năng theo đúng quy định của pháp luật về đo lường.

2. Điểm đấu nối do Bên bán điện và Bên mua điện thỏa thuận theo nguyên tắc đảm bảo truyền tải công suất nhà máy điện của Bên bán điện, phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trường hợp điểm đấu nối khác với điểm đặt thiết bị đo đếm, Bên bán điện chịu phần tổn thất điện năng trên đường dây đấu nối và tổn thất máy biến áp tăng áp của nhà máy điện.”

6. Bãi bỏ Điều 8, Điều 9, Điều 10

7. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm mua điện từ các dự án điện

1. Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ điện năng được sản xuất từ các dự án điện sinh khối phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện; ưu tiên khai thác toàn bộ công suất, điện năng phát của các dự án điện sinh khối.

2. Hợp đồng mua bán điện mẫu là bắt buộc áp dụng cho các dự án điện sinh khối trong mua bán điện giữa Bên bán điện và Bên mua điện.

3. Thời hạn của hợp đồng mua bán điện đối với các dự án điện sinh khối là 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Sau thời gian này, việc gia hạn thời hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới.”

8. Bãi bỏ Điều 12, Điều 13.

9. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Giá điện đối với dự án điện sinh khối

1. Đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện: Biểu giá mua điện tại điểm giao nhận là 1.634 đồng/kWh tương đương 7,03 UScents/kWh, theo tỷ giá tính theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 21 tháng 02 năm 2020.

2. Đối với các dự án không phải là dự án đồng phát nhiệt - điện: Biểu giá mua điện tại điểm giao nhận là 1.968 đồng/kWh tương đương 8,47 UScents/kWh, theo tỷ giá tính theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 21 tháng 02 năm 2020.

3. Giá mua điện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được điều chỉnh theo biến động của đồng đô la Mỹ (tính tương đương UScents/kWh), tỷ giá áp dụng là tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày Bên bán điện xuất hóa đơn thanh toán.

4. Các dự án điện sinh khối đã vận hành phát điện trước thời điểm ban hành Quyết định này được áp dụng mức giá mua điện tại khoản 1, khoản 2 Điều này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho thời gian còn lại của Hợp đồng mua bán điện đã ký.

5. Chi phí mua điện từ các dự án điện sinh khối nêu tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này được tính toán và đưa đầy đủ trong thông số đầu vào của phương án giá bán điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Các dự án điện sinh khối áp dụng giá mua điện theo quy định này không được áp dụng cơ chế giá cho sản lượng điện của dự án theo các quy định hiện hành khác.”

10. Bãi bỏ Điều 15.

11. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Bộ Công Thương

a) Tổ chức, hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

b) Ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối theo quy định tại Quyết định này.

c) Ban hành quy định, quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị, nghiệm thu, chạy thử nhà máy điện sinh khối.

d) Theo dõi, đề xuất điều chỉnh mức giá mua điện đối với dự án điện sinh khối, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hạ tầng, nguồn nhân lực để đầu tư, thực hiện và phát triển các dự án điện sinh khối trên địa bàn.

b) Theo dõi, giám sát, kiểm tra thực hiện các dự án điện sinh khối tại địa phương theo thẩm quyền.

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động liên quan đến điện sinh khối tại địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm tính toán đầy đủ chi phí mua điện của các dự án điện sinh khối và đưa vào thông số đầu vào trong phương án giá bán điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bên bán điện

Tuân thủ quy định vận hành hệ thống điện, quy định hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối, hệ thống đo đếm và các quy định liên quan.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 4 năm 2020.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan đến hoạt động phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 110



THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc